

Số: 120/TB-PHĐHLN - TCKT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 12 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**V/v Thu học phí (Lần 2)**

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT, ngày 11/08/2020 của Giám đốc phân hiệu trường ĐHLN về việc ban hành mức thu học phí năm 2020-2021;

Căn cứ vào thông báo số: 99/TB-PHĐHLN-TCKT về việc Thu học phí học kỳ 1 năm học (2020-2021) ngày 21 tháng 10 năm 2020;

Căn cứ theo số lượng tín chỉ đang học của sinh viên học kỳ 1 năm 2020-2021;

Giám đốc Phân hiệu Trường Đại Học Lâm Nghiệp thông báo đến toàn thể các sinh viên hệ ĐHCQ học tập trung tại trường còn tồn nợ học phí đến ngày 24/12/2020 cần hoàn thành học phí trước ngày 08/01/2021 (danh sách kèm theo) cụ thể như sau:

**- Thời gian thu:**

+ Buổi sáng: Từ 7h30 đến 11h30

+ Buổi chiều: Từ 13h30 đến 16h30

**- Hình thức thu:**

+ **Thu tiền mặt tại:** Phòng Tài Chính Kế Toán, Phòng 113, khu nhà A1 -Phân hiệu trường Đại Học Lâm Nghiệp, gộp Cô Đạm hoặc Cô Kim Anh.

+ **Thu qua ngân hàng** ( Chuyển khoản về trường) theo thông tin:

Số tài khoản: 0121.001.864.218.

Tên tài khoản: Phân hiệu Trường Đại Học Lâm Nghiệp tại Tỉnh Đồng Nai, tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đông Đồng Nai, PGD Trảng Bom.

Nội dung chuyển tiền ghi rõ: **Họ và tên, Lớp**

**Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành nghĩa vụ học phí trước 16h ngày 08/01/2021, nếu sinh viên chưa hoàn thành học phí sẽ không được tham dự thi học kỳ.**

Trường hợp sinh viên đã đóng học phí nhưng phần mềm chưa được cập nhật kịp thời, đề nghị gặp trực tiếp hoặc liên hệ theo số điện thoại Cô Kim Anh 0949.84.6879 –

Cô Đạm: 0987 233 553 tại phòng TCKT để được cập nhật kịp thời.

Đề nghị Phòng đào tạo, Khoa chuyên môn, GVCN/CV học tập các lớp thông báo tới các sinh viên để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCKT

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Sỹ Hà**

**PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH LÂM NGHIỆP**

Phòng Tài Chính Kế Toán

-oOo-

**DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC PHÍ**

Bậc hệ: Đại Học Chính Quy (DHCQ)

Khoa: Khoa Tài nguyên &amp; Môi trường (TM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Còn Nợ	Ghi Chú
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K61 - Khoa học môi trường (K61_KHMT)</b>					
1	155440301055	Trần Vũ Quốc	Vương	2.460.000	
2	165440301005	Hứa Phương	Nam	3.720.000	
3	165440301006	Trần Công Khang	Thuận	3.900.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K61 - Quản lý tài nguyên và môi trường (K61_QLTN&amp;MT)</b>					
1	165850101009	Lê Hoàng	Tân	2.600.000	
2	165850101035	Bùi Thị	Anh	3.840.000	
3	165850103012	Thái Trọng	Văn	8.960.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K61 - Quản lý tài nguyên rừng (K61_QLTNR)</b>					
1	155620211047	Nguyễn Trọng	Nhân	3.640.000	
2	155620211088	Phùng Trọng	Khôi	3.640.000	
3	155620211139	Nguyễn Tiến Văn	Phái	2.860.000	
4	165540301010	Nguyễn Minh	Triều	1.300.000	
5	165620211061	Dương Trung	Sơn	3.380.000	
6	165620211062	Đặng Hồng	Long	780.000	
7	165620211063	Trương Thế	Kiệt	3.380.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Quản lý tài nguyên và môi trường (K62_QLTN&amp;MT)</b>					
1	175420201002	Nguyễn Minh Kỳ	Nam	5.320.000	
2	175440301001	Đình Đặng Minh	Nhật	7.460.000	
3	175440301002	Đình Thị Ngọc	Huyền	4.760.000	
4	175440301004	Trần Hoàng	Nam	4.540.000	
5	175440301009	Nguyễn Thị Trúc	Ly	7.740.000	
6	175440301012	Ngô Công	Minh	4.760.000	
7	175850101001	Phạm Toàn Quốc	Thạo	4.760.000	
8	175850101004	Giáp Thị Lệ	Kiều	4.760.000	
9	175850101005	Lê Nhật	Minh	4.760.000	
10	175850101007	Nguyễn Hồ Thái	Bình	2.000.000	
11	175850101009	Trần Phúc	Hưng	5.580.000	
12	175850101011	Đặng Hồ Ngọc	Ngoan	5.600.000	
13	175850101012	Đặng Minh	Hoàng	4.760.000	
14	175850101013	Lê Thị Thu	Huyền	4.760.000	
15	175850101014	Nguyễn Văn	Ngọc	4.760.000	
16	175850101015	Trịnh Thị Mỹ	Trinh	4.760.000	
17	175850101016	Bùi Quang	Hà	4.760.000	
18	175850101017	Đông Thị	Thảo	4.760.000	
19	175850101018	Lê Thị Kim	Viên	4.760.000	
20	175850101019	Trần Thị Phương	Anh	5.710.000	
21	175850101022	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	5.580.000	
22	175850101023	Phạm Thị Minh	Phương	5.580.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Quản lý tài nguyên rừng (K62_QLTNR)</b>					
1	175620211001	Trần Đức	Hoàng	6.160.000	
2	175620211003	Hồ Minh	Thắng	2.240.000	
3	175620211010	Võ Chí	Linh	14.640.000	
4	175620211011	Nguyễn Tiến	Đạt	4.760.000	



5	175620211015	Trần Hoàng	Long	8.240.000
6	175620211017	Nguyễn Ngọc	Đàm	4.760.000
7	175620211018	Đào Việt	Điền	15.440.000
8	175620211020	Nguyễn Tiến	Minh	4.760.000
9	175620211021	Triệu Văn	Thành	9.440.000
10	175620211022	Mâu Xuân	Hải	3.894.000

**Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Quản lý tài nguyên và môi trường (K63\_QLTN&MT)**

1	187310101005	Dong Gur K Bét	Ly	5.980.000
2	187440301001	Nguyễn Tú	Thịnh	5.040.000
3	187440301003	Nguyễn Minh	Trường	5.040.000
4	187850101002	Võ Văn	Minh	5.040.000
5	187850101004	Trần Công	Minh	5.040.000
6	187850101006	Trương Hoài	Phương	5.040.000
7	187850101009	Nguyễn Nhật	Minh	10.240.000
8	187850101010	Lê Thành	Công	5.940.000
9	187850101011	Đỗ Thành Đạt	Đức	15.700.000
10	187850101012	Cao Văn	Tân	15.700.000

**Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Quản lý tài nguyên rừng (K63\_QLTNR)**

1	187580201005	Liêng Hót Ha	Lý	1.680.000
2	187620211001	Nguyễn Hữu	Tú	7.580.000
3	187620211004	Lương Thị Thu	Thảo	5.600.000
4	187620211006	Trần Quốc	Duy	5.600.000
5	187620211007	Đỗ Thanh	Tuấn	12.520.000
6	187620211008	Phạm Hoàng	Long	6.500.000
7	187620211009	Lưu Chí	Trường	1.000.000
8	187620211010	Huỳnh Hữu	Vinh	6.500.000
9	187620211011	Lại Trung	Kiên	6.500.000
10	187620211013	Trần Anh	Kiệt	6.500.000
11	187620211018	K	Tổng	5.600.000
12	187620211021	Nguyễn Văn	Phương	5.600.000
13	187620211024	Đặng Thị Huỳnh	Trình	5.600.000
14	187620211026	Nhâm Hải	Đặng	7.040.000
15	187620211028	Ksor A	Tuấn	5.600.000
16	187620211029	Đông Văn	Tèo	6.500.000
17	187620211030	Nguyễn Thanh	Nghĩa	5.600.000
18	187620211032	Nguyễn Hữu	Hùng	5.600.000
19	187620211033	Trần Ngọc	Tuyền	6.500.000
20	187620211034	H	Brách	1.680.000
21	187620211035	Ma Khánh	Phước	1.960.000
22	187620211036	Chamaléa	Phương	1.680.000
23	187620211037	Nguyễn Hữu	Quý	5.600.000
24	187620211038	Lơ Mu Ha	Kim	5.600.000
25	187620211039	Nguyễn Nhật	Trung	5.600.000
26	187620211040	Pinăng	Thiếc	1.680.000
27	187620211043	Đỗ Danh	Tú	9.680.000
28	187850101014	Trần Văn	Hiệp	5.600.000

**Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Quản lý tài nguyên và môi trường (K64\_QLTN&MT)**

1	197420201005	Trương Thị Hoài	Thương	5.320.000
2	197440301001	Tạ Nguyễn Duy	Khánh	5.320.000
3	197850101001	Vũ Thị Vân	Anh	1.400.000
4	197850101002	Phạm Hoàng	Anh	8.420.000
5	197850101005	Nguyễn Nhật	Hòa	1.400.000
6	197850101009	Hoàng Thị	Thiên	10.260.000
7	197850101010	Nguyễn Hoàng Thu	Uyên	5.320.000
8	197850101011	Trương Phùng Thảo	Vy	5.320.000

<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Quản lý tài nguyên rừng (K64_QLTNR)</b>				
1	197620205004	Nguyễn Gia	Thịnh	8.620.000
3	197620211002	Lê Ngô Quang	Bình	5.320.000
4	197620211003	Lý Bé	Châm	3.440.000
5	197620211004	Phan Mạnh	Cường	11.060.000
7	197620211007	Điền Minh	Hiếu	5.320.000
8	197620211008	Điền	Huy	8.620.000
10	197620211010	Kon Sơ Ha	Huỳnh	1.596.000
11	197620211011	Vũ Tuấn	Kiệt	2.800.000
12	197620211012	Quách Long Minh	Kiệt	7.660.000
13	197620211013	Điền	Phi	4.896.000
15	197620211015	Nguyễn Hồng	Phúc	8.620.000
16	197620211016	Sơ Nur	Sumi	5.320.000
18	197620211018	Lê Văn	Thảo	8.620.000
20	197620211020	Nguyễn Đình	Tùng	8.620.000
21	197620211024	Trần Tiến	Anh	840.000
22	197640101041	K Văn	Long	1.596.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K65 - Quản lý tài nguyên và môi trường (K65_QLTN&amp;MT)</b>				
1	207440301002	Nguyễn Tấn	Tiến	1.680.000
2	207850101001	Bùi Thị Thu	Hiền	1.680.000
3	207850101002	Lê Công	Nghiệp	1.680.000
4	207850101005	Vũ Thành	Vinh	1.680.000
5	207850101006	Phạm Thị Như	Yến	1.680.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K65 - Quản lý tài nguyên rừng (K65_QLTNR)</b>				
1	207549001011	Phạm Thừa Huy	Vũ	1.680.000
2	207620205003	K'	Chúc	1.680.000
3	207620211001	Nguyễn Phúc	Bảo	1.680.000
4	207620211003	Ông Văn	Cường	1.680.000
5	207620211007	Trần Anh	Khoa	1.680.000
6	207620211013	Lương Hữu	Sam	1.680.000
7	207620211015	Điền	Tá	1.680.000
8	207620211019	Thạch Quốc	Tuấn	1.680.000
9	207620211022	Dương Hồng	Nở	1.680.000
10	207620211025	Tain	Tuyền	3.360.000
11	207620211026	Trần Đình	Thành	3.360.000
12	207620211027	Phạm Huy	Đô	3.360.000
<b>Bậc hệ: Đại học liên thông chính quy (DHLTCQ)</b>				
<b>Khoa: Khoa Tài nguyên &amp; Môi trường (TM)</b>				
STT	Mã SV	Họ và tên SV		Còn Nợ
<b>Lớp: Đại học liên thông từ cao đẳng chính quy - khóa K64 - Quản lý tài nguyên rừng (K64B2_LT_QLTN)</b>				
1	19B620211146	Phạm Duy	Đạt	3.880.000
2	19B620211148	Cao Danh	Quốc	520.000
<b>Lớp: Đại học liên thông từ trung cấp chính quy Khóa 8 - Quản lý tài nguyên rừng (K8B_LT_QLTNR_CQ)</b>				
1	17B620211102	Trần Văn	Bảo	8.080.000
<b>Lớp: Đại học liên thông chính quy Khóa 9 - Quản lý tài nguyên rừng (K9B1_LT_VB2_QLTNR_CQ)</b>				
1	17B620211107	Nguyễn Văn	Công	360.000
2	186620211093	Trần Quốc	Việt	4.770.000
3	186620211101	Trần Hồng	Chuyên	1.220.000
4	186620211103	Nguyễn Trung	Phúc	8.090.000
<b>Lớp: Đại học liên thông chính quy Khóa 9 - Quản lý tài nguyên rừng (K9B2_LT_VB2_QLTNR_CQ(PY))</b>				
1	17B620211105	Nguyễn Xuân	Bình	5.720.000
2	17B620211112	Nguyễn Thị	Được	780.000
3	186620211001	Nguyễn Thị Kim	Ánh	21.020.000
4	186620211002	Nguyễn Nhất	Bình	1.040.000



5	186620211007	Nguyễn Văn	Dũng	1.040.000	
6	186620211008	Đặng	Dương	1.040.000	
7	186620211012	Võ Minh	Hậu	780.000	
8	186620211014	Tạ Thị Bích	Hương	780.000	
9	186620211016	Huỳnh Ngọc	Khương	1.040.000	
10	186620211017	Võ Ngọc	Lam	780.000	
11	186620211020	Lê Văn	Lợi	1.040.000	
12	186620211021	Võ Thanh	Long	780.000	
13	186620211022	Nguyễn Văn	Luận	780.000	
14	186620211023	Bùi Thị Yến	Ly	780.000	
15	186620211025	Trần Văn	Mười	260.000	
16	186620211027	Đình Quang	Nhuận	780.000	
17	186620211029	Nguyễn Hồng	Phong	4.100.000	
18	186620211031	Trần Ngọc	Phụng	780.000	
19	186620211033	Nguyễn Tiến	Quân	780.000	
20	186620211035	Phan Ngọc	Sĩ	780.000	
21	186620211036	Phan Công	Son	6.400.000	
22	186620211038	Bùi Ngọc	Thạch	260.000	
23	186620211041	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	780.000	
24	186620211042	Nguyễn Văn	Thơ	780.000	
25	186620211046	Lê Tấn	Tĩnh	780.000	
26	186620211048	Diệp Lan	Tuấn	780.000	
27	186620211049	Huỳnh Nhật	Tuấn	780.000	
28	186620211050	Nguyễn Canh	Tuất	780.000	
29	186620211051	Phạm Thanh	Vân	1.040.000	
30	186620211053	Phan Công	Vũ	780.000	
31	186620211054	Trần Văn	Vũ	260.000	

**PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH LÂM NGHIỆP**

Phòng Tài Chính Kế Toán

-oOo-

**DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC PHÍ**

Bậc hệ: Đại Học Chính Quy (DHCQ)

Khoa: Khoa Nông học (NH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Còn Nợ	Ghi Chú
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Bảo vệ thực vật (K62_BVTV)</b>					
1	175540301011	Phạm Quang	Huy	560.000	
2	175620112001	Lơ Mu Ha	Thi	7.100.000	
3	175620112002	Nguyễn Văn	Luyến	10.480.000	
4	175620112003	Đinh Thị Thu	Thủy	13.700.000	
5	175620112004	Lê Xuân	Trí	5.980.000	
6	175620112005	Nguyễn Phi	Trình	4.500.000	
7	175620112006	Trương Nguyễn Anh	Duy	4.500.000	
8	175620112009	Trần Văn	Thu	5.280.000	
9	175620112010	Lê Đình	Khánh	4.500.000	
10	175620112011	Nguyễn Cao Minh	Tuấn	4.500.000	
11	175620112013	Đặng Đức	Tiến	4.500.000	
12	175620112014	Lơ Mu Ha Sân	Ly	4.500.000	
13	175620112015	Trần Tuấn	Kiệt	1.540.000	
14	175620112017	Nguyễn Phương	Liên	4.500.000	
15	175620112018	Nguyễn Ngọc	Trọng	4.500.000	
16	175620112021	Đào Thị	Lĩnh	4.500.000	
17	175620112022	Hoàng Trung	Kiên	4.500.000	
18	175620112023	Lương Thanh	Thoại	1.938.000	
19	175620205004	Võ Đình	Hoàng	4.500.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Chăn nuôi (K62_ChanNuoi)</b>					
1	175620105002	Chế Nữ Hoàng	Dân	5.040.000	
2	175620105003	Đỗ Thị Hồng	Nga	5.040.000	
3	175620105005	Nguyễn Quốc Thái	Lâm	5.040.000	
4	175620105006	Nguyễn Minh	Chí	5.040.000	
5	175620105008	Nguyễn Ngọc	Hải	5.040.000	
6	175620105011	Đình Hoàng	Khánh	5.040.000	
7	175620105012	Hồ Tấn	Diệp	5.040.000	
8	175620105014	Lê Hồng	Phi	5.040.000	
9	175620105015	Hồ Sĩ Bảo	Chánh	5.040.000	
10	175620105016	Trần Tuấn	Tài	5.040.000	
11	175640101124	Trần Trọng	Nghĩa	5.040.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Công nghệ sinh học (K62_CNSH)</b>					
1	155420201006	Nguyễn Lê	Dũ	3.960.000	
2	175420201001	Đào Tuấn	Kiệt	4.480.000	
3	175420201004	Nguyễn Anh	Tú	4.480.000	
4	175420201009	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	4.480.000	
5	175420201010	Huỳnh Phúc	Trọng	4.480.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Khoa học cây trồng (K62_KHCT)</b>					
1	175620110001	K	Long	560.000	
2	175620110002	Nguyễn Khải	Nghĩa	15.120.000	
3	175620110003	Trương Thị Tuyết	Loan	5.040.000	
4	175620110004	Ngô Đình	Trung	8.380.000	
5	175620110005	Nguyễn Việt	Đức	5.600.000	
6	175620110006	Nguyễn Thế	Anh	4.980.000	



7	175620110008	Tô Đặng	Phát	5.040.000
8	175620110009	Hoàng Văn	Chung	5.040.000
9	175620110010	Chu Văn	Phong	5.040.000
10	175620110012	Điêu	Duyên	1.512.000
11	175620110013	Lê Minh	Trí	10.760.000
12	175620110014	Y	Nhường	5.040.000
13	175620110015	Trần Quang	Huy	5.040.000
14	175850103029	Nguyễn Thị Thùy	Vân	5.040.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Thú y (K62A_THUY)</b>				
1	175640101001	Nguyễn Minh	Trí	4.480.000
2	175640101002	Mai Đức	Phong	4.480.000
3	175640101004	Nguyễn Thành	Nhân	4.480.000
4	175640101005	Nguyễn Quốc	Kiệt	5.380.000
5	175640101006	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	4.480.000
6	175640101008	Doãn Vương	Quốc	4.480.000
7	175640101009	Nguyễn Thái Bảo	Nhân	4.480.000
8	175640101010	Nguyễn Xuân	Hoàng	4.480.000
9	175640101011	Đặng Văn	Thắng	4.480.000
10	175640101014	Nguyễn Lê Nhựt	Trường	4.480.000
11	175640101016	Huỳnh Bạch Anh	Tuấn	4.480.000
12	175640101017	Vũ Minh	Thư	4.480.000
13	175640101018	Dương Tiến	Anh	4.480.000
14	175640101023	Trần Văn	Thiên	4.480.000
15	175640101024	Nguyễn Hữu	Dương	4.480.000
16	175640101025	Lê Thị Phương	Diệp	4.480.000
17	175640101026	Võ Hồng	Son	4.480.000
18	175640101027	Vũ Văn	Lợi	4.480.000
19	175640101028	Bùi Lâm Nguyễn Tường	Vy	4.480.000
20	175640101029	Trần Võ Huỳnh	Như	4.480.000
21	175640101030	Nguyễn Ngọc	Duy	4.480.000
22	175640101031	Trần Thị Ái	Phương	4.320.000
23	175640101033	Nguyễn Vũ Minh	Đức	4.480.000
24	175640101035	Nguyễn Hoài	Ăn	4.480.000
25	175640101036	Nguyễn Tấn	Hùng	4.480.000
26	175640101040	Phan Đức	Việt	4.480.000
27	175640101042	Nguyễn Duy	Lâm	4.480.000
28	175640101045	Nguyễn Xuân	Trọng	4.480.000
29	175640101047	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	4.480.000
30	175640101048	Phạm Quốc	Đạo	4.480.000
31	175640101052	Hoàng Thị Giáng	Mi	4.480.000
32	175640101054	Nguyễn Hữu	Phước	4.480.000
33	175640101055	Trịnh Thị Kiều	Trinh	4.480.000
34	175640101056	Nguyễn Hiệp	Nhi	4.480.000
35	175640101057	Nguyễn Hữu	Nhật	4.480.000
36	175640101059	Huỳnh Công	Hậu	5.380.000
37	175640101068	Trần Thị Mĩ	Tâm	4.480.000
38	175640101104	Phan Kim	Trọng	4.480.000
39	175640101112	Nguyễn Duy	Phương	4.480.000
40	175640101113	Nguyễn Vũ	Huy	2.000.000
41	175640101120	Trần Huy	Hiệu	8.640.000
42	175640101121	Lâm Thị Mỹ	Hoa	4.480.000
43	175640101122	Nguyễn Thị	Hoa	4.480.000
44	175640101123	Diệp An Thành	Long	4.480.000
45	175640101125	Lê Thị Chúc	Ny	4.480.000
46	175640101126	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như	4.480.000
47	175640101127	Văn Ngọc Nam	Son	4.480.000
48	175640101131	Trần Kim	Xuyến	4.480.000

49	175640101134	Phạm Duy Hoàng	Phúc	4.480.000
50	175640101137	Hoàng Lê Đăng	Khoa	4.480.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Thú y (K62B_THUY)</b>				
1	175640101039	Trương Ngọc Thiện	Duyên	4.480.000
2	175640101053	Trần Ngọc	Vinh	4.480.000
3	175640101058	Bùi Thị Thu	Uyên	4.480.000
4	175640101060	Trần Hoàng	Dũng	4.480.000
5	175640101063	Lê Tiến	Đạt	4.480.000
6	175640101065	Hồ Văn	Nhánh	4.480.000
7	175640101067	Bùi Quốc	Hải	4.480.000
8	175640101069	Bùi Minh	Thư	4.680.000
9	175640101071	Trịnh Thị Thanh	Thao	4.480.000
10	175640101074	Vi Văn	Chiến	4.480.000
11	175640101075	Trịnh Thị Thanh	Thảo	4.480.000
12	175640101076	Phan Vững	Luân	4.480.000
13	175640101077	Lê	Phương	1.200.000
14	175640101080	Lê Trí	Dũng	4.480.000
15	175640101081	Vy Thanh	Thanh	4.480.000
16	175640101085	Nguyễn Quang	Trí	4.480.000
17	175640101086	Phạm Tuấn	Anh	4.480.000
18	175640101088	Vũ Hoàng	Long	4.160.000
19	175640101089	Lê Minh	Tâm	4.480.000
20	175640101091	Lưu Thanh	Phong	4.480.000
21	175640101093	Huỳnh Bá	Hoàng	4.480.000
22	175640101094	Đình Tấn	Hùng	5.320.000
23	175640101095	Đặng Hữu	Vũ	4.480.000
24	175640101097	Phạm Khánh	Ngọc	4.480.000
25	175640101098	Trần Quang	Huy	3.640.000
26	175640101099	Nguyễn Doãn	Dũng	8.840.000
27	175640101100	Phạm Thị	Thúy	4.480.000
28	175640101101	Nguyễn Hữu	Thìn	4.480.000
29	175640101102	Nguyễn Ngọc	Tân	4.480.000
30	175640101103	Võ Đại Hoàng	Triệu	5.680.000
31	175640101107	Lại Thị Thanh	Diệp	4.480.000
32	175640101108	Trần Thiện	Hội	4.480.000
33	175640101109	Nguyễn Quốc	Huy	4.480.000
34	175640101111	Bùi Thị Thùy	Linh	4.480.000
35	175640101114	Mạc Văn	Chính	4.480.000
36	175640101119	Phạm Duy	Đức	5.320.000
37	175640101133	Lê Viết	Quân	4.480.000
38	175640101135	Vũ Hoàng	Nam	4.480.000
39	175640101136	Lê Minh	Tú	4.480.000
40	175640101138	Mai Văn	Cường	4.480.000
41	175640101139	Nguyễn Trường	Sơn	4.480.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Bảo vệ thực vật (K63_BVTV)</b>				
1	187340301010	Nguyễn Thị Kim	Phụng	5.040.000
2	187620112003	Trang Nguyệt	Quế	5.040.000
3	187620112004	Hà Quang	Hưng	5.040.000
4	187620112005	Đàm Thế	Anh	5.040.000
5	187620112011	Lê Hoàng	Tân	5.230.000
6	187620112012	Nguyễn Thị Hương	Lan	4.320.000
7	187620112013	Lơ Mu Ha	Tinh	5.040.000
8	187620112014	Nguyễn Hương	Uyên	5.940.000
9	187620112015	Phạm Văn	Phương	5.040.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Chăn nuôi (K63_ChanNuoi)</b>				
1	187620105001	Võ Thế	Phong	4.760.000

PHỤ LỤC 1  
 Đ/Đ

2	187620105002	Nguyễn Mạnh	Khải	4.760.000
3	187620105004	Lê Bảo	Quốc	4.760.000
4	187620105005	Lê Hoàng	Long	5.040.000
5	187620105007	Nguyễn Anh	Xuân	5.040.000
6	187620105008	Nguyễn Hoàng	Son	4.760.000
7	187620105009	Trần Đức	Vương	4.760.000
8	187620105010	Nguyễn Hữu	Thức	4.760.000
9	187620105011	Đàm Hữu	Vinh	4.760.000
10	187620105012	Phạm Minh	Châu	3.600.000
11	187620105013	Phạm Đức	Thiện	5.040.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Khoa học cây trồng (K63_KHCT)</b>				
1	187420201006	Đỗ Thị Xuân	Hồng	6.160.000
2	187620110001	Huỳnh Thanh	An	6.160.000
3	187620110002	Nguyễn Ngọc	Lâm	6.720.000
4	187620110003	Cil	Joa	6.160.000
5	187620110004	Nguyễn Thị Thúy	Nga	6.160.000
6	187620110005	Nguyễn Minh	Nhật	6.160.000
7	187620110006	Lý Tuấn	Nghĩa	7.920.000
8	187620110008	Nguyễn Đức	Tường	6.160.000
9	187620110012	Lưu Phước	Hậu	6.160.000
10	187620110013	Hoàng Huy	Hoàng	6.160.000
11	187620110015	Huỳnh Văn	Lộc	6.160.000
12	187620110017	Trần Phúc	Quỳnh	6.160.000
13	187620110018	Nguyễn Thị	Trang	6.160.000
14	187620110019	Trần Nam	Lợi	6.160.000
15	187620110020	Ma	Hàng	6.160.000
16	187620110021	Đoàn Trường	Son	6.160.000
17	187620110022	Võ Thành	Đan	6.160.000
18	187620110026	Phạm Hữu	Phúc	7.160.000
19	187620205006	Bồ Bồ Thị Quỳnh	Như	300.000
20	187620211031	Châu Minh	Ngọc	6.160.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Thú y (K63A_THUY)</b>				
1	175640101084	Mai Thành	Đạt	4.760.000
2	187420201004	Đinh Thị Hồng	Trâm	4.760.000
3	187640101001	Nguyễn Nhật	Hào	4.760.000
4	187640101002	Trần Ngọc	Ánh	4.760.000
5	187640101003	Vũ Thanh	Tùng	4.760.000
6	187640101005	Nguyễn Diệu	Ngọc	4.760.000
7	187640101007	Nguyễn Trọng	Tiến	4.760.000
8	187640101008	Nguyễn Huy	Quang	4.760.000
9	187640101009	Phạm Ngô Ngọc	Khánh	4.760.000
10	187640101010	Bạch Thị Thái	Bình	4.760.000
11	187640101012	Lê Thị Mỹ	Hàng	4.760.000
12	187640101018	Văn Ngọc Quỳnh	Nhi	4.760.000
13	187640101019	Nguyễn Hoàng Duy	Khương	8.660.000
14	187640101021	Đặng Bá Hữu	Nghĩa	5.040.000
15	187640101022	Nguyễn Chí	Đạt	4.760.000
16	187640101023	Đỗ Thị Thúy	Quỳnh	4.760.000
17	187640101025	Lê Vũ	Dũng	4.760.000
18	187640101026	Lê Thanh	Tú	4.760.000
19	187640101027	Hồ Thanh	Vân	19.320.000
20	187640101029	Lê Thanh	Tòng	9.180.000
21	187640101030	Chế Quang Minh	Trung	4.760.000
22	187640101031	Nguyễn Văn	Khoa	4.760.000
23	187640101032	Mai Văn	Lâm	4.760.000
24	187640101058	Đoàn Trung	Thanh	4.760.000
25	187640101069	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4.760.000

26	187640101070	Huỳnh Thị Như	Ý	4.760.000	
27	187640101074	Phùng Anh	Thái	4.760.000	
28	187640101075	Trần Trung	Kiên	4.760.000	
29	187640101076	Trần Quang	Ánh	4.760.000	
30	187640101077	Tạ Lê Ngọc	Minh	4.760.000	
31	187640101080	Trương Đình	Tùng	4.760.000	
32	187640101081	Chamaleá Thị	Thúy	1.062.000	
33	187640101085	Võ Tấn	Hậu	4.760.000	
34	187640101086	Quách Hồ Anh	Tú	5.600.000	
35	187640101087	Đặng Minh	Dũng	4.760.000	
36	187640101089	Nguyễn Mạnh	Toàn	4.760.000	
37	187640101090	Trần Tiến	Dũng	4.760.000	
38	187640101091	Lê Thị Bích	Phương	4.160.000	
39	187640101092	Nguyễn Ngọc	Thắm	4.760.000	
40	187640101114	Lương Trọng	Nguyên	4.760.000	
41	187640101120	Võ Như	Ý	4.760.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Thú y (K63B_THUY)</b>					
1	187580201002	Lại Đình	Phi	9.180.000	
2	187620211016	Huỳnh Văn	Khởi	4.160.000	
3	187640101033	Phạm Thị	Hường	4.760.000	
4	187640101034	Ngô Hy	Du	4.760.000	
5	187640101036	Lê Phú	Hữu	5.600.000	
6	187640101037	Đỗ Quang	Tuyên	3.600.000	
7	187640101038	Tổng Vĩnh	Phúc	4.760.000	
8	187640101040	Vũ Thị	Huyền	4.760.000	
9	187640101041	Lê Thanh	Liêm	520.000	
10	187640101042	Lê Khắc	Nghĩa	4.760.000	
11	187640101045	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	4.760.000	
12	187640101046	Hoàng Thị Bích	Cầm	4.760.000	
13	187640101048	Hoàng Thanh	Long	4.160.000	
14	187640101053	Bùi Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	5.600.000	
15	187640101054	Lý Thanh	Hiệp	4.760.000	
16	187640101056	Trần Kim	Hào	4.760.000	
17	187640101057	Lê Văn	Ngọc	4.760.000	
18	187640101059	Lê Trọng	Vinh	4.760.000	
19	187640101060	Văn Bảo	Bảo	4.760.000	
20	187640101061	Lê Đặng Sông	Ngự	4.760.000	
21	187640101062	Trần Công	Vinh	2.860.000	
22	187640101063	Đặng Đại	Tiên	9.180.000	
23	187640101064	Lê Quang Minh Vũ	Vương	7.340.000	
24	187640101066	Nguyễn Văn	Tùng	5.760.000	
25	187640101067	Nguyễn Đức Minh	Nhật	1.760.000	
26	187640101072	Khúc Phương	Thảo	4.760.000	
27	187640101073	Nguyễn Ngô Lệ	Giang	4.760.000	
28	187640101083	Vũ Bá	Đạt	3.380.000	
29	187640101084	Trần Long	Hậu	4.760.000	
30	187640101093	Trà Thị Ngọc	Sương	4.760.000	
31	187640101094	Ngô Hiếu Chí	Tài	4.760.000	
32	187640101096	Nguyễn Ngọc	Phước	4.760.000	
33	187640101098	Vũ Thu	Huế	4.760.000	
34	187640101099	Lê Thành	Long	9.780.000	
35	187640101100	Vũ Nguyễn Phong	Lan	4.760.000	
36	187640101104	Nguyễn Sinh	May	4.760.000	
37	187640101106	Lương Hoàng	Anh	4.760.000	
38	187640101108	Đình Nguyễn Xuân	Mai	4.760.000	
39	187640101110	Nguyễn Văn	Hải	8.580.000	
40	187640101113	Võ Minh Bảo	Long	4.760.000	

VI  
 TH  
 NG  
 TH  
 TH  
 TH

41	187640101118	Phan Chí	Hiển	5.600.000
42	187640101119	Nguyễn Thành	Tâm	4.920.000
43	187640101122	Đặng Ngọc	Thanh	7.180.000
44	187640101123	Nguyễn Thị Phương	Sâm	4.760.000
45	187850103018	Nguyễn Đình Uyên	Thư	4.420.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Bảo vệ thực vật (K64_BVTV)</b>				
1	197620112003	Mai Đình	Đồng	5.880.000
2	197620112004	Nguyễn Thị Phương	Lan	8.400.000
5	197620112007	Nguyễn Hoàng	Phúc	9.180.000
6	197620112009	Trịnh Tấn	Tài	5.880.000
8	197620112011	Trần Thị Lan	Vi	7.020.000
9	197620112014	Võ Thị	Hoa	5.880.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Khoa học cây trồng (K64_KHCT)</b>				
1	197420201001	Mông Thị Nhật	Ánh	5.040.000
2	197620110001	Kon Sơ Ha Gió	Bảo	5.040.000
4	197620110006	Kon Sơ Ha	Joet	5.040.000
5	197620110007	Liêng Jrang Ju	Ky	2.240.000
6	197620110008	Hồ Thành	Long	5.040.000
7	197620110009	Klong Ha	Quan	5.600.000
8	197620110010	Đồng Gia	Quý	5.040.000
9	197620110011	Nguyễn Tài	Tùng	5.040.000
10	197620110012	Mông Thị	Tươi	5.040.000
11	197620110013	Ngô Lê Thảo	Vi	5.040.000
12	197620110015	Nguyễn Thị	Loan	9.980.000
13	197620110016	Trịnh Đặng Đăng	Anh	5.300.000
14	197850101003	Mâu Thị	Chinh	5.040.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Thú y (K64A_THUY)</b>				
1	175850103001	Tô Thanh	Tùng	9.520.000
2	187620105003	Nguyễn Thanh	Triều	6.420.000
3	197640101002	Đào Vân	Anh	3.420.000
4	197640101004	Nguyễn Quốc Gia	Bảo	6.940.000
5	197640101008	Nguyễn Hoài	Công	2.520.000
6	197640101009	Lê Thị Hồng	Diệp	2.520.000
7	197640101012	Lê Thị Thùy	Đương	5.040.000
8	197640101017	Vương Thành	Đạt	6.380.000
9	197640101019	Nguyễn Bá	Giác	8.340.000
10	197640101021	Võ Thị Hương	Giang	8.340.000
11	197640101023	Ngô Thanh	Hiển	8.340.000
12	197640101025	Phạm Thị Mỹ	Hòa	5.040.000
13	197640101026	Nguyễn Ngọc	Hương	1.960.000
14	197640101031	Nguyễn Đăng	Khoa	8.340.000
15	197640101032	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	6.380.000
16	197640101033	Hồ Quốc Đăng	Khôi	9.460.000
17	197640101037	Dương Thị Hồng	Loan	8.340.000
18	197640101040	Nguyễn Duy Bảo	Long	5.040.000
19	197640101043	Nguyễn Thị Tiểu	My	8.340.000
20	197640101047	Trần Minh	Nhật	8.340.000
21	197640101049	Nguyễn Ngọc	Như	6.940.000
22	197640101051	Ma Khánh	Phương	1.540.000
23	197640101053	Phan Trọng	Quỳnh	8.340.000
24	197640101055	Lê Vũ	Tài	8.340.000
25	197640101058	Nguyễn Thị Thu	Thảo	8.280.000
26	197640101060	Trần	Tiến	8.340.000
27	197640101063	Dương Thị Hoàn	Trâm	8.340.000
28	197640101066	Hoàng Xuân	Trung	5.040.000
29	197640101068	Trần Quang	Tuấn	5.040.000

30	197640101071	Đặng Chiêu Khắc	Vũ	2.520.000
31	197640101072	Trần	Yến	8.340.000
32	197640101097	Nguyễn Như	Vương	3.920.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Thú Y (K64B_THUY)</b>				
1	197340101026	Võ Văn	Tài	5.040.000
2	197340301009	Nguyễn Quang	Lộc	9.720.000
3	197620105002	Lê Phước	Hậu	9.460.000
4	197620105003	H Lin	Kdoh	8.340.000
5	197620110014	Nguyễn Văn	Vững	5.540.000
6	197640101001	Trần Thị Minh	Anh	9.460.000
7	197640101005	Ngô Quốc	Bảo	8.340.000
8	197640101006	Nguyễn Văn	Bin	9.460.000
9	197640101011	Nguyễn Hoàng	Dũng	8.340.000
10	197640101015	Lê Sỹ	Đan	5.040.000
11	197640101018	Lê Tây	Điệp	8.340.000
12	197640101020	Lê Tấn	Giang	8.340.000
13	197640101024	Phạm Ngọc	Hòa	8.680.000
14	197640101028	Dương Văn	Huy	8.340.000
15	197640101034	Vũ Nhậm	Khương	5.040.000
16	197640101036	Nguyễn Thái	Lập	9.460.000
17	197640101038	Nguyễn Phước Thiên	Long	5.040.000
18	197640101044	Nguyễn Trịnh Văn	Nam	8.340.000
19	197640101046	Đình Minh	Nhật	8.340.000
20	197640101054	Trần Hồng	Sơn	5.040.000
21	197640101056	Nguyễn Ngọc	Thạch	8.680.000
22	197640101057	Đình Gia	Thăng	9.460.000
23	197640101061	Đặng Trung	Tiến	8.340.000
24	197640101062	Nguyễn Ngọc	Toại	5.040.000
25	197640101065	Hồ Đăng	Trí	12.760.000
26	197640101073	Tăng Thị Xuân	Thảo	5.040.000
27	197640101074	Trần Duy	Khoa	8.680.000
28	197640101075	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nhi	9.200.000
29	197640101096	Trần Thị Kim	Anh	5.460.000
30	197640101098	Lê Thành	Công	5.520.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K65 - Bảo vệ thực vật (K65_BVTV)</b>				
1	207420201003	Nguyễn Hoàng	Khánh	280.000
2	207620112001	Lê Trung	Hiếu	2.240.000
3	207620112003	Trần Tuấn	Kiệt	2.240.000
4	207620112007	Trần Huỳnh Hoài	Ninh	2.240.000
5	207620112008	Cil Yũ Hét	Quyn	2.240.000
6	207620112011	Hồ Quốc	Bảo	3.920.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K65 - Khoa học cây trồng (K65_KHCT)</b>				
1	207420201002	Nguyễn Minh	Hiếu	3.360.000
2	207620110003	Ngô Hoàng	Quân	2.240.000
3	207620110004	Trương Thị Thùy	Trúc	2.240.000
4	207620110005	Thái Hữu Lê Đức Anh	Tuấn	2.240.000
5	207620110006	Cil Pam Ha Duy	Truyền	1.400.000
6	207620110008	Nguyễn Thị Mộng	Dung	3.920.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K65 - Thú Y (K65A_THUY)</b>				
1	197640101067	Nguyễn Minh	Trường	4.480.000
2	207620105003	Phan Minh	Tân	1.680.000
3	207640101001	Dương Thiên	An	1.680.000
4	207640101002	Nguyễn Hoàng	Anh	1.680.000
5	207640101004	Krã Jãn Ha	Bảo	1.680.000
6	207640101005	Lê Thành	Đạt	1.680.000
7	207640101007	Lăng Hoàng	Dũng	1.680.000

11/11/2019  
 11/11/2019  
 11/11/2019

8	207640101009	Nguyễn Thành	Duy	1.680.000
9	207640101018	Nguyễn Thị Mai	Hương	1.680.000
10	207640101020	Đặng Minh	Huy	1.680.000
11	207640101022	Trần Xuân	Huy	1.680.000
12	207640101026	Nguyễn Tuấn	Kiệt	1.680.000
13	207640101033	Điều Lê Thanh	Nguyên	1.680.000
14	207640101039	Lê Thị Bích	Phượng	1.680.000
15	207640101041	Nguyễn Xuân	Quý	1.680.000
16	207640101050	Nguyễn Ngọc	Tiến	1.680.000
17	207640101053	Đàm Thị Kiều	Trang	1.680.000
18	207640101058	Võ Minh	Trường	1.680.000
19	207640101060	Trần Lê Anh	Tuấn	1.680.000
20	207640101068	Võ Duy	Linh	3.360.000
21	207640101070	Huỳnh Hữu	Hân	1.680.000
22	207640101076	Trần Đức	Tiến	560.000
23	207640101080	Phạm Hữu Minh	Tâm	3.360.000
24	207640101081	Phạm Đức	Thịnh	1.680.000

**Lớp: Đại học chính quy khóa K65 - Thú Y (K65B\_THUY)**

1	207620105001	Nguyễn Xuân Đan	Trường	1.680.000
2	207640101006	Nguyễn Doãn	Đô	1.680.000
3	207640101008	Cao Đức	Duy	3.360.000
4	207640101019	Bùi Quang	Huy	1.680.000
5	207640101021	Phạm Thế	Huy	1.680.000
6	207640101024	Nguyễn Hồng	Khanh	1.680.000
7	207640101027	Điều Dân Sơ	Lanh	1.680.000
8	207640101029	Phạm Ngọc Quang	Minh	1.680.000
9	207640101030	Trịnh Danh	Nam	1.680.000
10	207640101037	Huỳnh Thanh	Phát	1.680.000
11	207640101043	Nguyễn Sỹ	Tân	1.680.000
12	207640101044	Trần Văn	Thắng	1.680.000
13	207640101045	Trần Quang	Thành	1.680.000
14	207640101048	Nguyễn Thái	Thực	1.680.000
15	207640101049	Nguyễn Trần Ka	Thy	1.680.000
16	207640101052	Chu Văn	Tiếp	1.680.000
17	207640101056	Nguyễn Hoàng Bảo	Trung	1.680.000
18	207640101059	Trần Quang	Tư	1.680.000
19	207640101061	Huỳnh Thanh	Tùng	1.680.000
20	207640101065	Nguyễn Phan Quang	Vinh	1.680.000
21	207640101067	Cao Lê Thúy	Vy	1.680.000
22	207640101069	Tô Tân	An	5.310.000
23	207640101071	Dương Hồng	Hào	3.360.000
24	207640101073	Nguyễn Cao	Nhân	3.360.000
25	207640101082	Bùi Văn	Trọng	3.360.000

**Bậc hệ: Đại học liên thông chính quy (DHLTCQ)**

**Khoa: Khoa Nông học (NH)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Còn Nợ
-----	-------	--------------	--	--------

**Lớp: Đại học liên thông chính quy khóa K65B - Thú Y (K65B2\_LT\_THUY\_CQ)**

1	20B640101351	Đỗ Tiến	Đạt	840.000
2	20B640101352	Hà Thành	Đạt	4.200.000
3	20B640101354	Phạm Ngọc	Diễn	840.000
4	20B640101356	Thạch Trọng	Duy	1.680.000
5	20B640101359	Ngô Châu	Hòa	840.000
6	20B640101361	Huỳnh Thị	Lan	840.000
7	20B640101369	Nguyễn Sỹ	Sinh	840.000
8	20B640101371	Đặng Hoàng	Thân	1.560.000
9	20B640101375	Nguyễn Phùng	Việt	840.000

10	20B640101376	Hồ Đình	Huỳnh	20.000
11	20B640101380	Nguyễn Chánh	Phong	4.200.000
12	20B640101405	Phan Trọng	Nhân	1.400.000
13	20B640101406	Nguyễn Thanh	Tuấn	780.000
14	20B640101442	Đỗ Thị	Lý	840.000
<b>Lớp: Đại học liên thông từ trung cấp chính quy Khóa 9 - Thú y (K9B_LT_TY_CQ)</b>				
1	18B640101001	Nguyễn Ngọc Thái	Bảo	9.360.000
2	18B640101002	Phạm Văn	Chăm	5.200.000
3	18B640101003	Mai Thị Mỹ	Duyên	1.040.000
4	18B640101004	Nguyễn Thế	Đạt	9.360.000
5	18B640101005	Trần Mạnh	Đức	4.160.000
6	18B640101008	Phạm Thanh	Hiền	10.140.000
7	18B640101009	Phạm Văn	Hoàng	5.980.000
8	18B640101010	Chương Thế	Hùng	5.200.000
9	18B640101011	Nguyễn Văn	Hưng	9.360.000
10	18B640101017	Phạm Thanh	Long	480.000
11	18B640101018	Vũ Đức	Mạnh	5.980.000
12	18B640101019	Nguyễn Đình	Mão	5.200.000
13	18B640101021	Nguyễn Vũ	Phi	8.320.000
14	18B640101024	Lê Xuân	Quân	9.360.000
15	18B640101025	Bùi Ngọc	Quyền	4.160.000
16	18B640101027	Đỗ Tấn	Tài	8.840.000
17	18B640101029	Lê Lệnh	Thắng	4.160.000
18	18B640101031	Nguyễn Quang	Thịnh	4.680.000
19	18B640101032	Trần Thị Thanh	Thúy	780.000
20	18B640101033	Nguyễn Minh	Tiến	5.980.000
21	18B640101050	Đặng Trần Duy	Thái	4.160.000
22	18B640101051	Vũ Xuân	Thiện	5.980.000
23	18B640101052	Nguyễn Văn Bảo	Khương	4.160.000
24	18B640101053	Nguyễn Thái	Hòa	4.160.000
25	18B640101055	Lê Thái	Thái	4.160.000
26	18B640101056	Đông Thanh	Tú	5.200.000
27	18B640101061	Trần Hữu	Khải	4.160.000
28	18B640101062	Trần Văn	Hiếu	5.200.000
29	18B640101063	Lê Văn	Phương	4.160.000
30	18B640101064	Nguyễn Ngọc	Vinh	8.840.000
31	18B640101065	Lê Sỹ	Trùng	9.620.000
32	18B640101068	Ngô Khắc	Thọ	5.200.000
33	18B640101069	Nguyễn Ánh	Đặng	5.200.000
34	18B640101070	Nguyễn Hữu	Quân	8.840.000
35	18B640101071	Võ Bá Mạnh	Hùng	5.200.000
36	18B640101073	Ngô Thùy	Dương	4.160.000

**PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH LÂM NGHIỆP**

Phòng Tài Chính Kế Toán

-oOo-



**DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC PHÍ**

Bậc học: Đại Học Chính Quy (DHCQ)

Khoa: Khoa Lâm học (LH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Còn Nợ	Ghi Chú
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Lâm sinh (K62_LS)</b>					
1	175620205001	Đình Nghiêm Văn	Đức	5.040.000	
2	175620205002	Ngô Đình	Kiên	5.040.000	
3	175620205006	Hà Hữu	Tuấn	5.040.000	
4	175620205007	Võ Văn	Sáng	13.920.000	
5	175620205008	Lại Minh	Hiếu	5.040.000	
6	175620205009	Trương Văn	Tuấn	5.940.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Quản lý đất đai (K62_QLDD)</b>					
1	175850103002	Nguyễn Công	Nam	4.480.000	
2	175850103005	Trần Thanh	Mai	4.480.000	
3	175850103006	Đặng Thị Hiếu	Kiên	4.480.000	
4	175850103007	Nguyễn Đức	An	4.480.000	
5	175850103010	Trương Thị Như	Quỳnh	4.480.000	
6	175850103011	Hoàng Tuấn	Vũ	4.480.000	
7	175850103012	Nguyễn Minh	Thông	4.480.000	
8	175850103013	Lê Văn	Tú	5.320.000	
9	175850103014	Hà Minh	Chí	4.480.000	
10	175850103015	Nguyễn Trần Xuân	Phú	4.480.000	
11	175850103016	Vũ Hoàng	Mạnh	4.480.000	
12	175850103017	Hà Văn	Toàn	4.480.000	
13	175850103018	Ngô Thị Thúy	An	4.480.000	
14	175850103022	Thái Hiếu	Phong	4.480.000	
15	175850103024	Bùi Minh	Kiên	4.480.000	
16	175850103028	Lê Ngọc Kim	Ngân	4.480.000	
17	175850103031	Nguyễn Hồng	Loan	5.320.000	
18	175850103035	Nguyễn Chí	Thành	6.880.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Lâm sinh (K63_LamSinh)</b>					
1	187620110011	Lê Đức Anh	Kha	5.880.000	
2	187620205002	Đặng Hoàng	Giang	16.540.000	
3	187620205003	Nguyễn Minh	Tiến	5.880.000	
4	187620205010	Nguyễn Trọng	Đạo	5.880.000	
5	187620205012	K'	Brit	7.600.000	
6	187620205014	K'	Linh	3.480.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Quản lý đất đai (K63_QLDD)</b>					
1	187420201005	Võ Trần Tuấn	Đạt	6.160.000	
2	187620211023	Trần Quốc	Quân	11.360.000	
3	187850103001	Hồng Nhac	Khoa	7.360.000	
4	187850103004	Nguyễn Thùy Lan	Vy	7.280.000	
5	187850103005	Vũ Hoàng	Bảo	1.200.000	
6	187850103008	Nguyễn Thị Ánh	Tuyền	6.680.000	
7	187850103009	Lê Đình	Chung	6.160.000	
8	187850103013	Ngô Trường	Giang	6.160.000	
9	187850103014	Phạm Minh	Thư	6.160.000	
10	187850103016	Dụng Khắc	Côn	8.760.000	
11	187850103021	Đoàn Thị Yến	Hương	6.160.000	



12	187850103022	Võ Thanh	Duy	8.760.000
13	187850103023	Hoàng Ngọc	Thìn	6.160.000
14	187850103025	Đình Văn Hoài	Nam	5.200.000
15	187850103027	Trần Công	Thành	6.160.000
16	187850103029	K Văn	Tinh	1.848.000
17	187850103030	Liêng Jrang Phi	Jăng	3.600.000
18	187850103032	Lý Chí	Tâm	8.760.000
19	187850103033	Nguyễn Thị	Hiền	6.160.000
20	187850103034	Nguyễn Thị	Hậu	6.160.000
21	187850103035	Bùi Lê Văn	Khoai	6.160.000
22	187850103036	Ngô Nguyễn Thùy	Trang	6.160.000
23	187850103037	Trần Thị Minh	Thư	6.160.000
24	187850103040	Trần Thị Kim	Loan	260.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Kiến trúc cảnh quan (K64_KTCQ)</b>				
1	197210405001	Huỳnh Hồng	Bằng	4.260.000
2	197210405003	Nguyễn Tuấn	Hoàng	4.000.000
3	197210405004	Dương Văn	Hùng	4.260.000
4	197340301036	Trần Văn	Đại	5.100.000
5	197580110001	Cao Thanh	Bình	4.260.000
6	197580110003	Trần Hoàng	Luân	2.000.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Lâm sinh (K64_LamSinh)</b>				
1	197340101020	Nguyễn Mộng	Nghi	7.560.000
2	197620205007	Nguyễn Phan Văn	Trung	5.320.000
3	197850103023	H	Trim	840.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Quản lý đất đai (K64_QLDD)</b>				
1	197420201006	Đặng Trương Tú	Trân	5.040.000
2	197850103001	Phạm Hương Quế	Anh	7.820.000
3	197850103002	Bùi Chí	Đức	520.000
4	197850103005	Bùi Phi	Hùng	8.340.000
5	197850103006	Nguyễn Thị Mai	Hương	2.700.000
6	197850103007	Tạ Đăng Khương	Huy	5.040.000
7	197850103008	Võ Hoàng Bảo	Huy	5.040.000
8	197850103009	Trần Thị	Linh	8.340.000
10	197850103013	Tou Neh Ria	Ngân	5.040.000
11	197850103015	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	5.040.000
12	197850103016	Trần Đình Hưng	Phát	5.040.000
13	197850103017	Hoàng Văn	Phi	5.040.000
14	197850103019	Nguyễn Thị Bích	Phượng	520.000
15	197850103020	Nguyễn Trung	Thiện	5.500.000
16	197850103022	Nguyễn Nhật Minh	Thư	5.040.000
17	197850103024	Trần Quốc	Tuấn	5.560.000
18	197850103025	Lê Văn	Vương	5.040.000
19	197850103026	Trần Mai	Vy	520.000
20	197850103027	Nguyễn Hoàng	Xuyến	5.560.000
21	197850103029	Bùi Cao	Cường	9.020.000
22	197850103030	Trương Tiến	Đạt	5.100.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K65 - Quản lý đất đai (K65_QLDD)</b>				
1	207850103002	Nguyễn Công Tuấn	Anh	1.960.000
2	207850103004	Bùi Sĩ	Cao	3.640.000
3	207850103006	Nghiêm Văn	Đan	1.960.000
4	207850103007	Phạm Tuấn	Đạt	1.960.000
5	207850103008	Nguyễn Công	Đồng	3.640.000
6	207850103010	Vũ Minh	Hiếu	1.960.000
7	207850103011	Kiều Quang	Huy	1.960.000
8	207850103012	Dương Thị Bảo	Linh	1.960.000

9	207850103013	K'	Lĩnh	1.960.000
10	207850103014	Trần Lê Thắng	Lợi	1.960.000
11	207850103015	Nguyễn Quốc	Phong	1.960.000
12	207850103016	Yang Kar	Py	1.960.000
13	207850103017	Đỗ Văn	Sang	1.960.000
14	207850103018	Trần Duy	Thắng	1.960.000
15	207850103022	Hoàng Văn	Tùng	1.960.000
16	207850103024	Nguyễn Chí	Thành	1.960.000
17	207850103025	Cao Thành	Nhân	6.090.000
18	207850103027	Lê Trọng	Nhật	3.640.000
19	207850103029	Phạm Văn	Thanh	3.640.000
20	207850103032	Trịnh Thị Bảo	Trâm	3.640.000
21	207850103033	Cao Xuân	Khắc	1.120.000

**Bậc hệ: Đại học liên thông chính quy (DHLTCQ)**

**Khoa: Khoa Lâm học (LH)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Còn Nợ
-----	-------	--------------	--	--------

**Lớp: Đại học liên thông chính quy K64B3 - Ngành Quản lý đất đai (K64B3\_LT\_QLDD\_CQ)**

1	19B850103073	Hoàng Văn	Cường	260.000
2	19B850103075	Nguyễn Đình Trung Việt	Dũng	780.000
3	19B850103077	Hoàng Trung	Hiếu	3.340.000
4	19B850103078	Ngô Văn	Hoàng	260.000
5	19B850103079	Lê Thị Lệ	Quyên	780.000
6	19B850103087	Lê Văn	Nam	3.970.000
7	19B850103088	Trần Văn	Thành	730.000
8	19B850103089	Nguyễn Hữu	Hội	26.950.000
9	19B850103090	Mai Sĩ	Thành	20.350.000
10	19B850103093	Đặng Thành	Lý	1.080.000
11	19B850103094	Đặng Việt	Hà	260.000
12	19B850103095	Lê Thị Ngọc	Ánh	1.400.000
13	19B850103097	Phùng Văn	Tiến	840.000
14	19B850103099	Phùng Việt	Ngân	5.680.000
15	19B850103102	Đình Văn	Điệp	2.200.000
16	19B850103270	Trần Thị	Tiêm	1.600.000

**Lớp: Đại học liên thông chính quy khóa K65B - Quản lý đất đai (K65B3\_LT\_QLDD\_CQ)**

1	20B850103453	Tạ Hoàng	Long	5.880.000
2	20B850103454	Lê Thanh	Lục	9.800.000
3	20B850103455	Lại Thị	Thanh	5.320.000
4	20B850103456	Mai Đức	Thắng	8.680.000
5	20B850103457	Nguyễn Thị Thúy	An	9.800.000
6	20B850103458	Đỗ Đức	Hiệp	5.880.000
7	20B850103459	Đỗ Thị Thương	Huyền	6.440.000
8	20B850103460	Lương Trọng	Tân	9.800.000
9	20B850103461	Ngô Thị Minh	Tâm	9.800.000
10	20B850103462	Đặng Hồng	Sơn	5.880.000
11	20B850103463	Nguyễn Thị	Tuyên	8.400.000
12	20B850103464	Nguyễn Tiến	Dũng	8.400.000
13	20B850103465	Lưu Đức	Phúc	9.800.000
14	20B850103466	Phan Văn	Liên	6.720.000
15	20B850103467	Ngô Lê Đô	Ny	6.440.000
16	20B850103468	Phạm Thị Hồng	Thắm	5.040.000
17	20B850103471	Nguyễn Văn	Việt	7.000.000
18	20B850103472	Nguyễn Thị Minh	Thúy	3.880.000
19	20B850103535	Vũ Hồng	Ngọc	5.880.000
20	20B850103536	Trương Thị Quý	Châm	2.520.000

PHÁT TRIỂN  
HIỆU  
ĐẠI HỌC  
NGHIỆP  
TỈNH  
NG NÀ  
HỌC LẤY

21	20B850103537	Lê Thị Phương	Thảo	5.040.000
22	20B85010621	Hứa Minh	Trường	5.880.000
23	20B85010623	Đặng Thị Thu	Trang	5.040.000
<b>Lớp: Đại học liên thông từ trung cấp chính quy Khóa 7 - Quản lý đất đai (K7B_LT_QLDD_CQ)</b>				
1	17B850103015	Dương Thị	Loan	780.000
2	17B850103018	Trần Thị	Nhi	560.000
3	17B850103019	Nguyễn Thị Yên	Oanh	780.000
4	17B850103021	Đinh Thị	Phượng	780.000
5	17B850103023	Mai Giang	Son	1.560.000
6	17B850103024	Lê Tất	Tài	780.000
7	17B850103028	Lưu Thị	Thi	7.360.000
<b>Lớp: Đại học liên thông từ trung cấp chính quy Khóa 8 - Quản lý đất đai (K8A_LT_QLDD_CQ)</b>				
1	17B850103050	Nguyễn Lộc	An	3.900.000
2	17B850103054	Phạm Tấn	Đạt	780.000
3	17B850103055	Nguyễn Văn	Giang	100.000
4	17B850103057	Trần Thị	Hiếu	1.300.000
5	17B850103059	Đỗ Việt	Hoàng	1.620.000
6	17B850103061	Hồ Thanh	Lâm	780.000
7	17B850103063	Nguyễn Hoàng	Minh	780.000
8	17B850103064	Lý Quang	Minh	3.380.000
9	17B850103065	Nguyễn Thị	Ngọc	780.000
10	17B850103066	Lê Quang	Nguyên	2.600.000
11	17B850103067	Vòng Lý	Nhục	5.520.000
12	17B850103068	Lê Thị Mai	Quỳnh	3.120.000
13	17B850103069	Nguyễn Ngọc	Thi	2.400.000
14	17B850103070	Nguyễn Thị Hà	Thương	4.740.000
15	17B850103072	Nguyễn Thị Phương	Trinh	1.300.000
16	17B850103073	Lê Thanh	Tuấn	2.600.000
17	17B850103074	Hồ Vũ	Tùng	1.560.000
18	17B850103075	Hồ Thị Hồng	Vân	4.020.000
<b>Lớp: Đại học liên thông từ trung cấp chính quy Khóa 8 - Quản lý đất đai (K8B_LT_QLDD_CQ)</b>				
1	17B850103038	Nguyễn Văn	Việt	10.100.000
2	17B850103080	Phạm Quốc	Đạt	1.560.000
3	17B850103082	Tạ Văn	Đường	1.650.000
4	17B850103086	Phạm Văn	Hải	1.560.000
5	17B850103088	Đông Thị	Hạnh	2.600.000
6	17B850103089	Nguyễn Trung	Hiếu	2.860.000
7	17B850103092	Lê Xuân	Hùng	7.280.000
8	17B850103094	Nguyễn Thanh	Hung	780.000
9	17B850103097	Nguyễn Thị Ngọc	Kim	780.000
10	17B850103099	Tạ Như	Lợi	1.560.000
11	17B850103101	Phạm Xuân	Minh	6.500.000
12	17B850103102	Đào Trung	Nam	2.320.000
13	17B850103103	Trần Thị	Nga	3.120.000
14	17B850103104	Hà Thị Kim	Phượng	780.000
15	17B850103105	Trần Ngọc	Phượng	3.120.000
16	17B850103106	Lương Thị Bích	Quyên	3.120.000
17	17B850103107	Mạnh Trọng	Quyên	7.800.000
18	17B850103110	Lê Xuân	Thanh	780.000
19	17B850103112	Tou Prong Nai	Thảo	3.120.000
20	17B850103113	Nguyễn Thị	Thảo	7.280.000
21	17B850103114	Dương Văn	Thế	2.340.000
22	17B850103116	Phạm Thị Thu	Thủy	820.000
23	17B850103117	Hồ Sỹ	Tiềm	1.600.000
24	17B850103121	Dương Quốc	Tuấn	1.420.000

25	17B850103122	Đoàn Thị Bích	Tuyền	780.000	
26	17B850103123	Dương Văn	Viên	1.120.000	
<b>Lớp: Đại học liên thông từ trung cấp chính quy Khóa 9 - Quản lý đất đai (K9B_LT_QLDD_CQ)</b>					
1	18B850103006	Nguyễn Xuân	Danh	780.000	
2	18B850103008	Đặng Hiếu	Học	8.800.000	
3	18B850103009	Nguyễn Quang	Vinh	9.580.000	
4	18B850103012	Trương Nguyễn Minh	Tuệ	7.920.000	
5	18B850103016	Bùi Văn	Chiến	10.880.000	
6	18B850103019	Đỗ Thị Minh	Tâm	300.000	
<b>Lớp: Đại học liên thông từ trung cấp chính quy Khóa 9 - Lâm sinh (K9B1_LT_Lâm sinh_CQ)</b>					
1	18B620205001	Nguyễn Quang	Huy	2.000.000	



**PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH LÂM NGHIỆP**

Phòng Tài Chính Kế Toán

-oOo-



**DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC PHÍ**

Bậc hệ: Đại Học Chính Quy (DHCQ)

Khoa: Khoa Công nghiệp & Kiến trúc (CK)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Còn Nợ	Ghi Chú
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K61 - Kỹ thuật công trình xây dựng (K61_KTCTXD)</b>					
1	155580201015	Trần Minh	Tình	2.800.000	
2	165580201002	Trần Nhật	Huy	8.260.000	
3	165580201012	Lý	Diên	924.000	
4	165620205015	Đàm Xuân	Hải	2.800.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Công nghệ chế biến lâm sản (K62_CBLS)</b>					
1	175210405001	Trần Thị Bích	Ngọc	4.760.000	
2	175210405002	Mai Đức	Cảnh	4.760.000	
3	175210405003	Huỳnh Lạc	Thiên	4.420.000	
4	175210405005	Vũ Mạnh	Khang	4.760.000	
5	175540301001	Hồ Quốc Đăng	Khánh	9.180.000	
6	175540301002	Dương Thị	Sang	4.420.000	
7	175540301006	Nguyễn Lê Nhật	Tín	6.940.000	
8	175540301007	Hoàng Công Xuân	Bắc	4.760.000	
9	175540301008	Đặng Vũ	Thắng	4.760.000	
10	175540301009	Nguyễn Thị Thảo	Vy	4.760.000	
11	175540301012	Từ Ngọc	Thương	4.760.000	
12	175580201006	Tô Đức	Huy	4.760.000	
13	175620105001	Điền	Tý	4.760.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Kỹ thuật công trình xây dựng (K62_KTCTXD)</b>					
1	175580201001	Trương Gia	Bảo	11.280.000	
2	175580201003	Bùi Xuân	Nhân	6.240.000	
3	175580201008	Đặng Thanh	Đồng	4.760.000	Đã xong
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Công nghệ chế biến lâm sản (K63_CBLS)</b>					
1	187340101027	Lê Minh	Khiêm	5.600.000	
2	187549001001	Hồ Tú	Linh	6.500.000	
3	187549001002	Ngô Vũ Thành	Hiếu	5.600.000	
4	187549001003	Vũ Duy	Nhất	6.720.000	
5	187549001005	Nguyễn Anh	Hùng	4.420.000	
6	187620211014	Nguyễn Danh	An	9.540.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Thiết kế nội thất (K63_TKNT)</b>					
1	187580102001	Nguyễn Thành Anh	Tuấn	5.960.000	
2	187580102002	Trần Duy	Phúc	5.960.000	
3	187580108001	Nguyễn Văn	Mạnh	5.960.000	
4	187580108003	Kiều Tuấn	Anh	5.960.000	
5	187580108004	Vũ Minh	Thọ	5.960.000	
6	187580108006	Nguyễn Văn	Trung	5.960.000	
7	187580108008	Văn Vương	Tùng	5.960.000	
8	187580108010	Huỳnh Quốc	Lĩnh	5.960.000	
9	187580201004	Ngô Bá Bình	Dương	5.960.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K64 - Công nghệ chế biến lâm sản (K64_CBLS)</b>					
1	197340301013	Đoàn Thị Kiều	Nga	5.880.000	
2	197420201002	Lê Quang	Kha	5.880.000	

3	197540301001	Nguyễn Quang Công	Danh	520.000
4	197540301002	Lương Văn	Huy	5.880.000
5	197540301003	Địch Văn	Lanh	5.880.000
6	197540301004	Nhữ Mai	Linh	5.880.000
7	197540301005	Đình Ngọc	Phong	5.880.000
8	197540301006	Dương Thị Thu	Thảo	5.880.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K65 - Chế biến lâm sản (K65_CBLS)</b>				
1	207549001006	Vũ Trung	Kiệm	1.680.000
2	207549001008	Lê Trọng	Nghĩa	1.680.000
3	207549001009	Trương Thị Quỳnh	Như	1.680.000
4	207549001010	Đỗ Thị Phương	Thảo	1.680.000
5	207549001012	Huỳnh Ngọc	Tây	3.360.000
6	207549001013	Lê Huy	Quốc	3.360.000
7	207850104004	Vũ Trọng	Kha	1.960.000
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K65 - Thiết kế nội thất (K65_TKNT)</b>				
1	207420201005	Trần Thị Kim	Chi	4.760.000
2	207549001002	Phan Văn	Đạt	1.680.000
3	207580108003	Lê	Duy	2.520.000
4	207580108005	Bùi Minh	Nhật	2.520.000
5	207580108006	Đỗ Minh	Quân	2.520.000
6	207580108008	Nguyễn Minh	Thanh	2.520.000
7	207580108009	Trần Thị Thanh	Thanh	280.000
8	207580108010	Nguyễn Hồng Ngọc	Trình	2.520.000
9	207580108011	Trần Văn	Trình	2.520.000
10	207580108012	Thạch Thanh	Hùng	2.520.000
11	207580108013	Lê Nguyễn Hoàng	Anh	4.200.000
12	207850101007	Đông Văn	Minh	3.360.000
13	207850104002	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	280.000

**PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH LÂM NGHIỆP**

Phòng Tài Chính Kế Toán

**DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC PHÍ**

Bậc hệ: Đại Học Chính Quy (DHCQ)

Khoa: Khoa Kinh tế (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Còn Nợ	Ghi Chú
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Kế toán (K62_KeToan)</b>					
1	175310101002	Nguyễn Phương Nhật	Thị	4.480.000	
2	175310101003	Nguyễn Cẩm	Thu	4.480.000	
3	175340101027	Phạm Thị Bích	Diệu	4.560.000	
4	175340301004	Lê Thị	Huyền	4.480.000	
5	175340301006	Hoàng Hồ Thùy	An	4.480.000	
6	175340301008	Trần Đình Hải	Đặng	4.420.000	
7	175340301009	Phan Thị	Huế	4.480.000	
8	175340301010	Lục Thị	Chang	1.344.000	
9	175340301011	Nguyễn Thị Thu	Hương	4.480.000	
10	175340301017	Nguyễn Thị Trúc	Linh	4.480.000	
11	175340301020	Nguyễn Thị	Mỹ	4.480.000	
12	175340301023	Lôi Ngọc	Đang	4.560.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K62 - Quản trị kinh doanh (K62_QTKD)</b>					
1	175340101003	Nguyễn Phan	Long	4.480.000	
2	175340101004	Nguyễn Thị Xuân	Quyền	6.440.000	
3	175340101009	Huỳnh Hoài	Anh	4.480.000	
4	175340101010	Vũ Thị Kim	Nương	5.380.000	
5	175340101012	Nguyễn Khánh	Duy	4.480.000	
6	175340101013	Bùi Khánh	Linh	6.560.000	
7	175340101014	Nguyễn Thụy Ngọc	Anh	4.480.000	
8	175340101015	Nguyễn Thị Linh	Trang	4.480.000	
9	175340101016	Đặng Trần Thùy	Dương	4.480.000	
10	175340101017	Lương Ngọc	Quý	4.480.000	
11	175340101018	Phạm Thị Hồng	Nhung	6.280.000	
12	175340101022	Hoàng Thị Mộng	Cầm	6.280.000	
13	175340101025	Nguyễn Hoàng Minh	Quang	4.480.000	
14	175340101028	Nguyễn Lê Hải	Dương	4.480.000	
15	175340101029	Nguyễn Thị Thu	Thảo	4.480.000	
<b>Lớp: Đại học chính quy khóa K63 - Kế toán (K63_KT)</b>					
1	187340301004	Phan Thị Thảo	Nguyên	4.760.000	
2	187340301005	Bùi Thị	Nhàn	4.760.000	
3	187340301008	Nguyễn Thị Kiều	Trang	4.760.000	
4	187340301009	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	4.760.000	
5	187340301014	Trần Kim	Ngọc	4.760.000	
6	187340301016	Nguyễn Trần Minh	Châu	4.760.000	
7	187340301017	Nguyễn Thị	Hiên	4.760.000	
8	187340301019	Trần Thị Tuyết	Hồng	4.760.000	
9	187340301020	Nguyễn Đăng	Khoa	4.760.000	
10	187340301021	Huỳnh Thị Mỹ	Nhi	4.760.000	
11	187340301022	Đinh Thị Thùy	Trình	4.760.000	
12	187340301024	Đỗ Nguyễn Hoàng	Anh	4.760.000	
13	187340301025	Nguyễn Thị Yến	Vy	4.760.000	
14	187340301026	Đặng Thị	Linh	4.760.000	
15	187340301027	Trần Thị	Thúy	4.760.000	
16	187340301028	Hứa Thị	Thùy	4.760.000	